|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn10/12/2024 | Ngày dạy | Ngày  | 16/12 | 17/12 | 18/12 | 19/12 | 21/12 |
| TT tiết TKB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 | 4 | 1 | 3 |  |
| Lớp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 6E | 6A | 6B | 6C | 6D |  |

**Tuần 14 - Tiết : 59, 60**

**BÀI 17: ĐA DẠNG NGUYÊN SINH VẬT**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**
* Nhận biết đực một số nguyên sinh vật như tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi, trùng giày, trùng biến hình thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật.
* Nêu được sự đa dạng và vai trò của nguyên sinh vật.
* Nêu được một số bệnh, cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên.
* Quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.
1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, xem video để tìm hiểu về đa dạng nguyên sinh vật.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm xây dựng/vẽ vòng đời phát triển của trùng sốt rét.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra được các giải pháp phòng bệnh do vi sinh vật gây ra và ứng dụng một số giải pháp trong thực tiễn.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.
* Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật với đời sống con người.
* Xác định được triệu chứng một số bệnh do vi sinh vật gây ra và biện pháp phòng, chữa bệnh.
* Thiết kế poster tuyên truyền phòng chống bệnh sốt rét để tuyên truyền và dán ở các khu vực trong nhà trường.
1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về đa dạng nguyên sinh vật.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động tìm hiểu về vai trò và các bệnh liên quan tới nguyên sinh vật.
* Nghiêm túc trong việc phòng, chống các bệnh liên quan tới động vật nguyên sinh.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**Kiến thức:** Nhận biết được một số đại diện nguyên sinh vật trong tự nhiên ( trùng giầy, trùng roi)

**Năng lực:**  giao tiếp, hoà nhập với hoạt động học tập.

**Phẩm chất:** Có ý thức, chăm chỉ.

**Năng lực:**  giao tiếp, hoà nhập với hoạt động học tập.

**Phẩm chất:** Có ý thức, chăm chỉ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* Video về nguyên sinh vật.
* HS chuẩn bị bài thuyết trình ở nhà về bệnh sốt rét và kiết lị.
* Một số ứng dụng thiết kế poster, inphographic…cho HS thiết kế poster tuyên truyền.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề của bài học là nghiên cứu về nguyên sinh vật.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

 - HS biết được vấn đề của bài học là nghiên cứu về nguyên sinh vật.

**b)** **Nội dung: GV** gọi 2 HS lên bảng vẽ hình: 1HS vẽ vi rút/ vi khuẩn và 1 HS vẽ nguyên sinh vật.

GV đặt câu hỏi có vấn đề “Nguyên sinh vật khác với vi khuẩn và virus như thế nào?”

1. **Sản phẩm:** HS đưa ra các dự đoán khác nhau về những điểm khác biệt.
2. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**- GV đặt câu hỏi có vấn đề “Nguyên sinh vật khác với vi khuẩn và virus như thế nào?”*HSKT hòa nhập:* HS chú ý lắng nghe, phân biệt cốc nước nóng nhất.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***HSKT hòa nhập:* - Thực hiện theo nhiệm vụ GV giao.**Bước 3: Báo cáo kết quả** - GV mời 2 – 3 HS đưa ra dự đoán. *HSKT hòa nhập:* Viết kết quả ra giấy**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét và GV dẫn vào bài.*HSKT hòa nhập:* Lắng nghe nhận xét của các bạn và GV |  | - HS tìm hiểu và chỉ ra sự giống và khác nhau về cấu tạo tế baod, kích thước … |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đa dạng nguyên sinh vật**

1. **Mục tiêu:**

- Nêu được đặc điểm của nguyên sinh vật và sự đa dạng của nguyên sinh vật.

- Nêu được những điểm khác biệt giữa vi khuẩn, virus và nguyên sinh vật.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

- Nhận biết được đặc điểm của nguyên sinh vật và sự đa dạng của nguyên sinh vật.

1. **Nội dung:**

- HS làm việc theo cặp.

- GV yêu cầu HS xem video và trả lời các câu hỏi:

1. Kể tên các hình dạng của nguyên sinh vật mà em thấy trên video. Nhận xét hình dạng và nơi sống của NSV?

2. NSV có những đặc điểm gì?

3. NSV có điểm gì khác biệt so với vi khuẩn và virus?

1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- HS nêu ra được hình dạng của NSV và kết luận về sự đa dạng về hình dạng của NSV.

- HS đưa ra các đáp án:

* 1. Hình thoi, có roi bơi, không có hình dạng xác định, cầu…🡪 Nhiều hình dạng. Nơi sống: ao hồ, cống, rãnh, cơ thể người và động vật.
* 2. Đặc điểm:

+ Sinh vật đơn bào, nhân thực

+ Có kích thước hiển vi

* 3. HS có thể trả lời được hay không, không quan trọng. GV có thể định hướng những ý khác biệt cơ bản.
1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***HSKT hòa nhập:* HS chú ý lắng nghe, phân biệt cốc nước nóng nhất.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***HSKT hòa nhập:* - Thực hiện theo nhiệm vụ GV giao.**Bước 3: Báo cáo kết quả** *HSKT hòa nhập:* Viết kết quả ra giấy**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét và chốt bảng về hình dạng, cấu tạo của virut và vi khuẩn.*HSKT hòa nhập:* Lắng nghe nhận xét của các bạn và GV |  | - Nguyên sinh vật rất đa dạng với nhiều hình dạng khác nhau. Chúng sống ở môi trường nước mặn và nước ngọt. |

- GV giao nhiệm vụ học tập cá nhân và cặp.

- GV yêu cầu học sinh lên trình bày dựa theo các câu hỏi 1, 2. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV chốt kiến thức cơ bản cho HS.

- GV hỗ trợ HS trả lời câu hỏi 3.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu vai trò của nguyên sinh vật.**

1. **Mục tiêu:**
* Trình bày được vai trò có hại của nguyên sinh vật: gây bệnh (bệnh sốt rét, bệnh kiết lị). Từ đó đề ra cách phòng tránh.
* Trình bày được vai trò có lợi của NSV trong tự nhiên và đối với con người.
* Ứng dụng làm trà sữa từ bột tảo xoắn.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

- Nhận biết đượcvai trò có hại của nguyên sinh vật: gây bệnh

1. **Nội dung:**

**-** HS đã được GV phân công tìm hiểu ở nhà. HS chuẩn bị bài thuyết trình.

Nguyên nhân gây bệnh, chu trình phát triển và cách phòng, chống.

+ Nhóm 1. Tìm hiểu về trùng sốt rét

+ Nhóm 2. Tìm hiểu về trùng kiết lị

+ Nhóm 3. Ứng dụng của tảo xoắn

+ Nhóm 4. Chứng minh nguyên sinh vật là thức ăn của nhiều động vật

- HS gửi bài thuyết trình qua email cho GV trước khi giờ học bắt đầu.

1. **Sản phẩm:**

**-** 3 bài thuyết trình.

- Trà sữa từ tảo xoắn.

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***HSKT hòa nhập:* HS chú ý lắng nghe, phân biệt cốc nước nóng nhất.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***HSKT hòa nhập:* - Thực hiện theo nhiệm vụ GV giao.**Bước 3: Báo cáo kết quả** *HSKT hòa nhập:* Viết kết quả ra giấy**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét và chốt bảng về hình dạng, cấu tạo của virut và vi khuẩn.*HSKT hòa nhập:* Lắng nghe nhận xét của các bạn và GV |  | ***\* Trùng sốt rét:*** là nguyên sinh vật gây bệnh sốt rét ở người- Trùng sốt rét do muỗi truyền vào máu người và theo đường máu đến gan sau đó chui vào và kí sinh trong các tế bào hồng cầu khiến các tế bào hồng cầu bị vỡ.- Để phòng bệnh do trùng sốt rét gây nên, chúng ta cần diệt muỗi, ấu trùng của muỗi và tránh bị muỗi đốt.- Có chân giả ngắn và sinh sản nhanh- Trùng kiết lị theo thức ăn, nước uống đi vào ống tiêu hóa của người và gây lở loét ở thành ruột.- Người bị bệnh kiết lị thường đau bụng, đi ngoài phân nhầy có lẫn máu- Để phòng bệnh do trùng kiết lị gây nên cần thực hiện vệ sinh ăn uống. |

**-** Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho nhóm HS từ buổi học trước (đảm bảo HS có thời gian ít nhất 1 tuần để chuẩn bị).

- HS các nhóm 1 và 2 lên thuyết trình (5 phút):

+ 1 HS thuyết trình

+ 1 HS ghi kiến thức chính lên bảng: nguyên nhân gây bệnh, chu trình phát triển và cách phòng, chống.

- HS các nhóm khác nghe, phản biện và bổ sung (5 phút).

- GV ghi lại các câu khó và hỗ trợ HS tìm hiểu hoặc trả lời sau khi có nhóm đã hoàn thành.

- GV nhận xét và chốt kiến thức về sự có hại của NSV. GV mở rộng thêm kiến thức của tảo lục khi phát triển nhiều sẽ gây ô nhiễm nguồn nước và làm chết tôm cá.

- GV cho HS tìm hiểu về lợi ích của NSV: Nhóm 3 + 4 lên thuyết trình (5 phút)

Sau đó GV đặt câu hỏi:

NSV có những lợi ích gì?

- HS trả lời câu hỏi. GV mở rộng về vai trò của tảo sống trên các nhánh san hô ở biển.

GV chốt lại kiến thức về lợi ích của NSV

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.
2. **Nội dung:** Chơi trò chơi “Tôi là ai?”
3. **Sản phẩm:** HS trả lời từng câu hỏi trong trò chơi
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**- GV hướng dẫn cách chơi trò chơi “Tôi là ai?”GV làm mẫu trước bằng cách mô tả một đặc điểm liên quan đến một loài NSV bất kì Ví dụ: Tôi là một cơ thể đơn bào có thể thay đổi được hình dạng bất kì. Tôi là ai?*HSKT hòa nhập:* Cùng tham gia theo dõi hoạt động cùng các bạn.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS theo dõi và thực hiện trò chơi.*HSKT hòa nhập:* - Thực hiện theo nhiệm vụ GV giao.**Bước 3: Báo cáo kết quả** *HSKT hòa nhập:* Viết kết quả ra giấy**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét và chốt bảng về hình dạng, cấu tạo của virut và vi khuẩn.*HSKT hòa nhập:* Lắng nghe nhận xét của các bạn và GV | Cùng tham gia trò chơi cùng các bạn | GV làm mẫu trước bằng cách mô tả một đặc điểm liên quan đến một loài NSV bất kì Ví dụ: Tôi là một cơ thể đơn bào có thể thay đổi được hình dạng bất kì. Tôi là ai? |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
2. **Nội dung:** Làm bài tập trắc nghiệm.
3. **Sản phẩm:** Bài tập trắc nghiệm.
4. **Tổ chức thực hiện:** HS sử dụng smart phone, làm cá nhân bằng cách truy cập vào đường link sau: <https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSet2LXqEJ3ZuGyKV-iE4uH-EF_UvSbjembo1JdEnf_cXWTKbw/viewform>